

**TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

N^o

03 5 9 /BC-CDTĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức
Năm 2017

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế số: 0301824508.
- Vốn điều lệ: 114.730.000.000 đồng (Một trăm mười bốn tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 114.730.000.000 đồng (Một trăm mười bốn tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng).
- Địa chỉ: Km số 9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 028.22144647
- Số fax: 028.38.963159
- Website: www.codientd.com
- Email: codientd@vnn.vn
- Mã cổ phiếu: EMC

Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tiền thân là Nhà Máy Sửa Chữa Cơ Điện - là một doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Công ty Điện lực 2, được thành lập từ năm 1976. Năm 1996 đổi tên thành Nhà Máy Cơ Điện. Đến tháng 6/1999, tách khỏi Công Ty Điện Lực 2 và trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam), được thành lập theo Quyết định số 31/1999/QĐ-BCN ngày 03/06/1999 của Bộ Công nghiệp Việt Nam, và đổi tên thành Công ty Cơ điện Thủ Đức.

- Theo Quyết định số 337/QĐ-BCN, ngày 26/01/2007 của Bộ Công nghiệp; Quyết định số 1092/QĐ-BCT ngày 15/10/2007 của Bộ Công Thương Công Ty Cơ

Điện Thủ Đức được duyệt phương án cổ phần hoá chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo mô hình Công Ty cổ phần.

- Sau khi tổ chức Đại hội cổ đông thành lập, ngày 02/01/2008, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công Ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức đã chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công Ty cổ phần, trong đó Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN) giữ 40,05 % vốn điều lệ (đến thời điểm 31/12/2016).

- Ngày 29/11/2012, theo Quyết định chấp nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số: 128/QĐ-SGDHCM, ngày 31/8/2012 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, CTCP Cơ điện Thủ Đức đã chính thức đăng ký niêm yết 8.073.000 cổ phiếu của Công ty giao dịch chứng khoán trên sàn TP.HCM (HoSE), với mã chứng khoán EMC.

- Năm 2016, Theo giấy chứng nhận số 10/GCN-UBCK ngày 04/02/2016, Công ty Công ty phát hành thành công 3.400.000 cổ phần ra công chúng và đã niêm yết bổ sung trên HOSE. Đồng thời, Công ty cũng đã tiến hành thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 5 ngày 20/06/2016 tăng vốn điều lệ từ 80.730.000.000 đồng lên 114.730.000.000 đồng

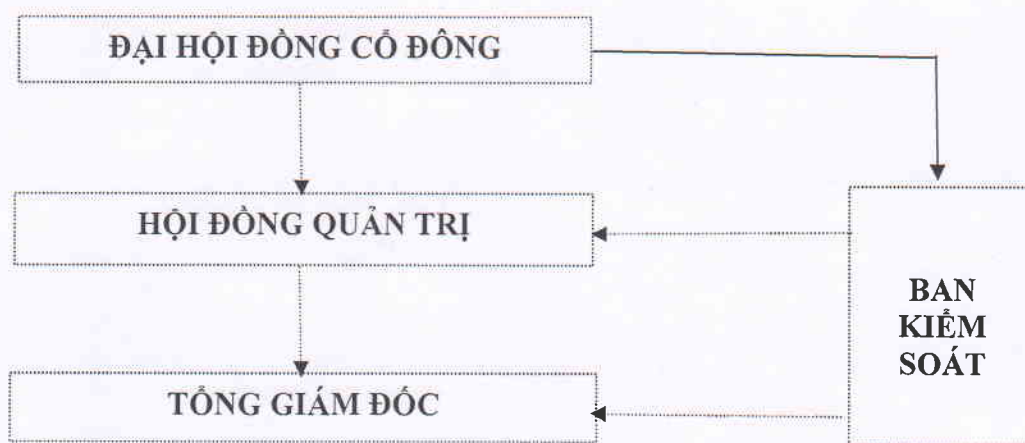
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh: Chế tạo máy biến áp, chế tạo phụ tùng cho các nhà máy điện, phụ kiện đường dây và trạm điện, tủ bảng điện các loại; Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện; Gia công cơ khí, sản xuất trụ điện thép và giá đỡ thiết bị đến 500KV; Kinh doanh và XNK máy biến áp, các phụ tùng, thiết bị điện. Sửa chữa, lắp đặt các tổ máy phát điện Diesel; Xây lắp công trình điện công nghiệp và dân dụng đến cấp điện áp 220KV; Kinh doanh thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông, kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa. Kinh doanh khách sạn; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi; Sản xuất cáp điện, dây điện từ các loại; Khai thác, xây dựng công trình nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Kinh doanh bất động sản...

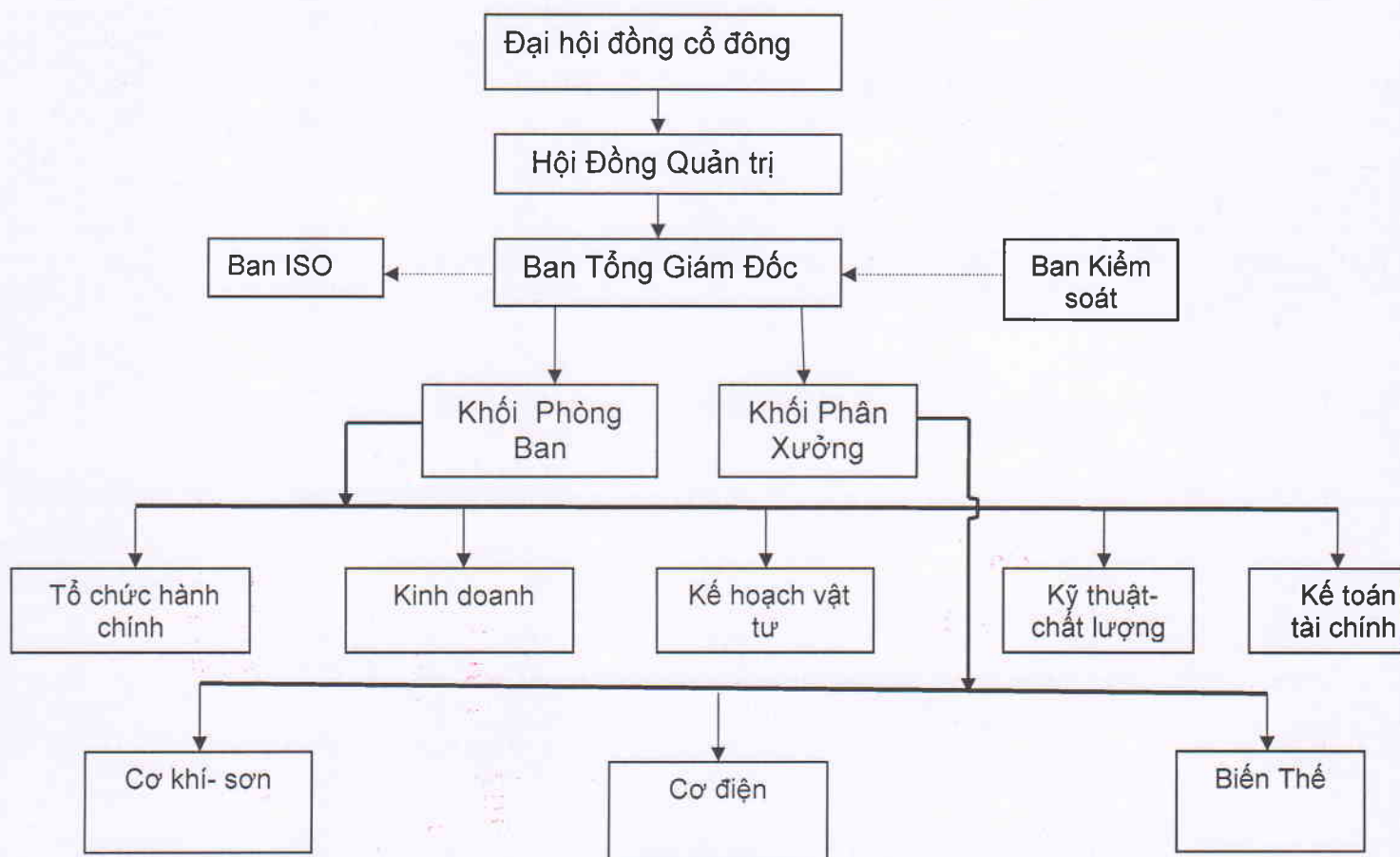
2.2. Địa bàn kinh doanh: Công ty có địa bàn hoạt động kinh doanh trên phạm vi cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

* Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh theo các chức năng kinh doanh của Công ty nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, thực hiện các công tác xã hội và phát triển Công ty ngày càng phát triển bền vững, cụ thể:

- Đẩy mạnh công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư để phát triển các sản phẩm, hàng hóa trong nước sản xuất được.
- Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, nâng cao quy mô, năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Coi trọng và ưu tiên mọi nguồn lực của Công ty cùng với sự quan tâm của Nhà nước, các cấp Bộ ngành để đầu tư xây dựng mới, cải tạo nhà xưởng, mua sắm các thiết bị công nghệ mới hiện đại phục vụ cho công tác thiết kế, chế tạo thử nghiệm sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm đã sản xuất được và phát triển nhiều sản phẩm mới, đặc biệt là máy biến áp phân phối siêu tổn thất và máy biến áp lực dung lượng tới 63MVA – điện áp 110KV.
- Liên kết với các đối tác nước ngoài, từng bước đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến nhất để chế tạo các loại sản phẩm có chất lượng cao mà trong nước chưa sản xuất được. Nhập khẩu các công nghệ và thiết bị sản xuất hiện đại phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

4.2. Chiến lược phát triển trung, dài hạn:

- Đầu tư công nghệ và trang bị thêm thiết bị hiện đại, đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm mới có chất lượng phù hợp với đa dạng đối tượng khách hàng trên cơ sở phát triển nguyên vật liệu sẵn có trong nước. Cải tiến, nâng cấp mẫu mã, chất lượng và nhãn mác sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước.
- Mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm trong nước và ngoài nước, tập trung đầu tư vào các vùng thị trường còn thiếu, còn yếu. Nâng cao thị phần cung cấp thiết bị cơ khí- thiết bị điện trong cả nước và tăng cường công tác xuất khẩu. Từng bước áp dụng phương thức phân phối hiện đại kết hợp hệ thống phân phối truyền thống hiện có. Chú trọng vào công tác chống giả mạo, mượn danh nghĩa và bảo vệ thương hiệu EMC của Công Ty.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất và năng lực cạnh tranh để tiến tới xuất khẩu sản phẩm.

- Bên cạnh đó, Công ty cũng tập trung vào công tác hỗ trợ khách hàng và thực hiện tốt dịch vụ hậu mãi; có chiến lược kinh doanh linh hoạt, nhất là đối với những khách hàng có doanh thu tốt đảm bảo chính sách bán hàng của Công ty trong từng thời kỳ.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Tiếp tục thực hiện và duy trì tốt hệ thống quản lý lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Tích cực tham gia bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng những nguyên vật liệu sạch, thân thiện với môi trường; đồng thời hoàn thiện, nâng cấp hệ thống trang thiết bị xử lý hệ thống nước thải, vệ sinh môi trường. Duy trì các hoạt động xã hội và hợp tác chặt chẽ với các đơn vị, khách hàng, để công tác phục vụ cộng đồng và người dân ngày càng tốt hơn.

5. Các rủi ro:

Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các mục tiêu của của Công ty:

5.1. Rủi ro về kinh tế và tăng trưởng kinh tế:

Sự biến động của lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty.

Là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực chế tạo các loại máy biến áp (trong đó nguyên vật liệu chính để sản xuất chiếm tỷ lệ 60% phải nhập khẩu) nên có thể nói, môi trường kinh tế vĩ mô trong nước có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ quá trình phát triển của Công ty.

Để quản trị rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, Công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện tiết kiệm chi phí một cách triệt để nhằm gia tăng lợi nhuận biên của lĩnh vực kinh doanh truyền thống và các lĩnh vực kinh doanh khác.

5.2. Rủi ro lạm phát:

Năm 2018, lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục có mức tăng thấp (khoảng 2%) nhưng vẫn có một số nhân tố có thể gây lạm phát khó lường như tín dụng tăng trưởng cao hơn, gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp về cả mặt bằng đầu vào và đầu ra cũng như các hoạch định chiến lược của các doanh nghiệp và của Công ty

5.3. Rủi ro lãi suất:

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Chính vì thế, khi lãi suất biến động sẽ ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tác động của lãi

suất lên hoạt động kinh doanh, Công ty áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vốn vay từ ngân hàng và thay bằng các nguồn khác có chi phí vốn thấp hơn, đồng thời tăng cường huy động vốn cho sản xuất kinh doanh từ các cổ đông của Công ty qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ hoặc vay tiền nhân rồi của Cán bộ công nhân viên trong Công ty.

5.4. Rủi ro về luật pháp:

Việt Nam hiện là một nước đang phát triển, do đó Luật và các văn bản luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên rủi ro pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay Công ty đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh nên phần nào đã thích nghi với những sự thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam.

5.5. Rủi ro về nguồn nguyên liệu:

Các loại vật liệu chính như tôn tấm, tôn silic, thép vô định hình amorphous, dây điện từ, đồng, dầu biến thế, xăng dầu... Công ty sử dụng chủ yếu được mua lại từ các Công ty cung ứng trong nước và một số được nhập khẩu từ nước ngoài. Trong thực tế, những năm vừa qua, giá các loại nguyên vật liệu này biến động phức tạp gây ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sử dụng các nguồn nguyên vật liệu này nói chung và Công ty nói riêng.

Để giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện công tác nhập khẩu trực tiếp vật tư nguyên liệu chủ yếu để sản xuất dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Đồng thời, Công ty cũng có dự báo và kế hoạch nguồn nguyên liệu dự trữ linh hoạt, đặc biệt là nguyên liệu chính để chủ động trong sản xuất.

5.6. Rủi ro về tỷ giá:

Trong hoạt động kinh doanh chung, Công ty thực hiện công tác sản xuất một phần phải nhập khẩu nguồn nguyên vật liệu từ nước ngoài. Nguồn nguyên liệu nhập khẩu của Công ty chủ yếu được mua từ các nước G7, Nhật, Nga ... Việc thanh toán tiền hàng được sử dụng bằng các ngoại tệ như USD, EUR, JPY... Do vậy bất kỳ sự thay đổi tỷ giá nào cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.7. Rủi ro về sản lượng và tiêu thụ sản phẩm:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa vào một phần của công tác dự báo sản lượng sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm của các khách hàng trong ngành Điện, khách hàng công nghiệp địa phương...trong các năm tới. Do đó, nếu có yếu tố khách quan hoặc bất khả kháng nào làm sản lượng, sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm thực tế thấp hơn dự báo cũng có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

5.8. Rủi ro khác:

Ngoài các rủi ro kê trên, Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản như nhà xưởng, hàng hóa thành phẩm tồn kho và bảo hiểm con người.

II. Tình hình hoạt động trong năm:**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:****1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	318.195	276.729	259.081
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	4.954	736	2.364
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.007	1.296	1.198
4	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty.	3.007	1.296	1.198
Tốc độ tăng trưởng				
1	Tăng trưởng doanh thu thuần	26%	-13%	-6,4%
2	Tăng trưởng lợi nhuận HĐKD	30%	-85%	321%
3	Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-8%	-57%	-7,6%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015-2017

Trong năm 2017 tình hình kinh tế cho thấy kinh tế vĩ mô của Việt Nam ổn định, tiếp tục được cải thiện, đã khép lại với nhiệm điểm sáng. GDP vượt chỉ tiêu đề ra với mức tăng trưởng khoảng 6,81%. Với những nỗ lực ổn định vĩ mô, cải cách thể chế, thủ tục hành chính nhằm nâng cao môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia, nền kinh tế Việt Nam đang phục hồi mạnh mẽ sẵn sàng cho quá trình hội nhập sâu rộng. Tỷ lệ nợ trên vốn của các doanh nghiệp nhà nước đã xuống thấp do chương trình thoái hóa vốn Nhà nước tại các Công ty cổ phần của Chính Phủ, tỷ lệ nợ xấu tại các ngân hàng thương mại còn cao, dư địa tài khoá chỉ có dấu hiệu nói lỏng

nhưng tăng trưởng tín dụng vẫn còn thấp. Mặc dù viễn cảnh trước mắt có thể thuận lợi nhưng còn tồn tại những rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Dự nợ dự phòng lớn trong khu vực công, khiến cho nợ công tăng nhanh đến mức không còn bền vững. Khó khăn của nền kinh tế trong nước và ngành sản xuất cơ khí nói riêng, đã có ảnh hưởng đến sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất thiết bị cơ khí điện như Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức. Tuy nhiên, bằng nỗ lực của tập thể người lao động, sự quyết tâm của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Công ty đã linh hoạt vận dụng các chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp tại từng thời điểm để cố gắng đạt kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Năm 2017, nhiều yếu tố trong giá thành phải điều chỉnh tăng theo quy định của nhà nước (như: giá tiền điện, lương tối thiểu để trích đóng BHXH-BHYT, tiền thuế Chính phủ về nhà đất ...) làm ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí giá vốn chung của các doanh nghiệp.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn như đã nêu, nhưng Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức đã quyết tâm vượt qua, đã tìm kiếm và thực hiện nhiều giải pháp kinh tế kỹ thuật, giảm chi phí để bù đắp những chi phí gia tăng. Tuy đã cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội cổ đông 2017 giao cho nhưng kết quả lại không mong đợi như kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty chỉ đạt: 259.081 triệu đồng, giảm 7% so với năm 2016.
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty chỉ đạt: 89% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thông qua.(259.081/290.000 tỷ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế của công ty chỉ đạt 1.198 triệu đồng, giảm 7,6% so với năm 2016.
- Lợi nhuận sau thuế của công ty chỉ đạt 46,7% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. (1.198/2.560 triệu đồng).

Nguyên nhân dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế không đạt: Do doanh thu bán hàng năm 2017 giảm 17,65 tỷ đồng so với năm 2016, chỉ bằng 93% so với năm 2016, chi phí quản lý tăng (do chi phí trợ cấp nghỉ việc cho người lao động tăng cao so với các năm trước, sau khi Công ty thực hiện chương trình tái cơ cấu, sắp xếp lại lực lượng lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả...). Vì vậy, lợi nhuận sau thuế năm 2017 cũng giảm, chỉ đạt 1.198 triệu đồng (giảm 7,6% so với năm 2016).

1.2. Tình hình biến động các khoản chi phí:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017
1	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	267.359	231.121	228.646

2	Chi phí bán hàng	13.006	16.153	6.037
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.435	19.392	14.578
4	Chi phí tài chính	14.647	9.967	8.506
5	Chi phí khác	2.096	895	1.771
	Tổng chi phí	315.543	276.809	259.038
<i>Tỷ trọng trên doanh thu thuần</i>				
1	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/DTT	84%	84%	88%
2	Chi phí bán hàng/DTT	4%	6%	2%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp/DTT	6%	7%	6%
4	Chi phí tài chính/DTT	5%	4%	3%
5	Chi phí khác/DTT	1%	0%	1%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

Ông: BÙI PHƯỚC QUẢNG *Tổng Giám đốc*

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.838.089 cổ phần, trong đó:

- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước (EVN): 1.838.089 cổ phần

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Chức danh
02/1992	10/1992	Nhân viên phòng Tài vụ – Nhà máy sửa chữa Cơ Điện.
11/1992	07/1996	Nhân viên phòng KHKT – Nhà máy sửa chữa Cơ Điện
07/1996	11/1999	Phó Trưởng phòng Kinh doanh – Nhà máy sửa chữa Cơ Điện
11/1999	03/2000	Phó Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty Cơ Điện Thủ Đức
03/2000	04/2000	Phó Trưởng phòng Tổ chức Hành chính – Công ty Cơ Điện Thủ Đức
04/2000	10/2000	Chánh Văn phòng – Công ty Cơ Điện Thủ Đức
10/2000	10/2004	Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty Cơ Điện Thủ Đức
11/2004	05/2014	Kế toán trưởng Công ty CP Cơ Điện Thủ Đức
05/2014	07/2015	Giám đốc Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức

07/2015	nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức
---------	-----	---

Ông: HUỖNH VĨNH PHÚ *Phó Tổng Giám đốc*

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Chức danh
1983	1987	Nhân viên Phân xưởng sửa chữa Nhà máy Cơ Điện – Công ty Điện lực 2.
1988	1992	Nhân viên Phòng Kế hoạch Nhà máy Cơ Điện - Công ty Điện lực 2.
1992	1996	Phó Phòng Kỹ Thuật Nhà máy Cơ Điện - Công ty Điện lực 2.
1996	2000	Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Cơ Điện Thủ Đức.
2000	2004	Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty Cơ Điện Thủ Đức.
2004	06/2016	Trưởng Phòng Kinh doanh kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.
06/2016	nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.

Ông: PHÙNG QUANG KHANG *Phó Tổng Giám đốc*

- Số lượng cổ phần sở hữu: 2 cổ phần.

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Chức danh
01/1991	01/1993	Công tác tại Phân xưởng Biến Thế Nhà máy Cơ Điện – Công ty Điện lực 2.
01/1993	11/1997	Công tác tại Phòng Kế hoạch Nhà máy Cơ Điện – Công ty Điện lực 2.
11/1997	10/1999	Công tác tại Phân xưởng Biến Thế 3 Nhà máy Cơ Điện – Công ty Điện lực 2.
11/1999	04/2001	Phó Trưởng Phòng Kỹ Thuật Công ty Cơ Điện Thủ Đức.
05/2001	12/2002	Được EVN cử đi học Thạc Sĩ tại AIT (tại Hà Nội và Thái Lan).
01/2003	05/2004	Chuyên viên Ban Nghiên cứu và Phát triển Công Nghệ Công ty Cơ Điện Thủ Đức.
05/2004	02/2008	Trưởng Ban Nghiên cứu và Phát triển Công Nghệ Công ty Cơ Điện Thủ Đức.
02/2008	09/2014	Phó Trưởng Phòng Kỹ Thuật Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.
09/2014	06/2016	Phó Phòng Phụ trách Phòng Vật tư Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.
06/2016	nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.

Bà: VƯƠNG THỊ BẢO GIANG *Kế toán trưởng*

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Chức danh
06/2003	01/2008	Nhân viên phòng Kế toán Tài chính CTCP Cơ Điện Thủ Đức
01/2008	06/2014	Phó phòng Kế toán Tài chính CTCP Cơ Điện Thủ Đức
06/2014	09/2014	Phó Phụ trách phòng Kế toán Tài chính CTCP Cơ Điện Thủ Đức
09/2014	06/2016	Trưởng phòng Kế toán Tài chính CTCP Cơ Điện Thủ Đức
06/2014	nay	Kế toán trưởng CTCP Cơ Điện Thủ Đức

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2017, nhân sự trong Ban Tổng Giám đốc có 01 Phó Tổng Giám đốc nghỉ việc: Ông Lê Đình Kiệt.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Lao động tại thời điểm 31/12/ 2017 là: 130 người

Trong đó:

- + Trên Đại học: 04
- + Đại học: 46
- + Cao đẳng, trung cấp: 12
- + Công nhân: 60
- + Lái xe: 6
- + Khác: 2

- Chính sách đối với người lao động:

* Chính sách đào tạo:

Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, hằng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch đào tạo cho CBCNV và triển khai thực hiện nghiêm túc, cụ thể như sau:

+ Đào tạo nhân viên mới với mục đích để nhân viên mới nhanh chóng nắm bắt công việc và hòa nhập vào môi trường làm việc của Công ty. Giới thiệu về Công ty và sản phẩm của Công ty, thỏa ước lao động, nội quy lao động, an toàn lao động, chức năng nhiệm vụ theo mô tả công việc của từng CNCNV, hệ thống quản lý chất lượng 9001:2015.

+ Huấn luyện về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sơ cứu, cấp cứu,...

+ Đào tạo kỹ năng quản trị cho CBCNV cấp trung.

+ Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ như: bán hàng, kỹ năng giao tiếp, quản lý kho, quản lý chất lượng sản phẩm.

+ Đào tạo cho công nhân mới, đào tạo nâng bậc, đào tạo nhắc lại, và đào tạo công nghệ mới cho công nhân cũ,...

*** Chính sách tiền lương, thưởng:**

+ Công ty xây dựng quy chế trả lương, thưởng, hệ thống thang bảng lương và phụ cấp riêng phù hợp với ngành nghề hoạt động, đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, tương xứng với trình độ, công việc, năng lực và mức độ đóng góp cũng như sáng tạo của từng người, tạo được sự công bằng, động viên, khuyến khích CBCNV hăng say làm việc, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Công ty trả lương cho CBCNV theo đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm sản xuất ra và tiêu thụ trong tháng, quý, năm trên cơ sở vị trí công việc và đánh giá kết quả công việc của từng người trong tháng.

*** Các chế độ, chính sách khác với người lao động:**

+ Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

+ Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp hằng năm cho CBCNV để phát hiện bệnh lý kịp thời chăm sóc và điều trị.

+ Công ty luôn chú trọng đến công tác Bảo hộ lao động, công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy.

+ Công ty rất quan tâm đến môi trường và điều kiện làm việc của người lao động: trang đầy đủ phương tiện làm việc, bảo hộ lao động, áp dụng các biện pháp chống nóng, giảm bụi, giảm tiếng ồn, phụ cấp cho người lao động trong môi trường nặng nhọc, độc hại...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2017: Không có.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

Đvt: triệu đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2016</i>	<i>Năm 2017</i>	<i>% tăng/giảm</i>
Tổng giá trị tài sản	297.768	266.162	(1,04%)
Doanh thu thuần	276.729	259.081	(9,38%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	736	2.264	307,6%
Lợi nhuận khác	819	(610)	(-174,48%)

Lợi nhuận sau thuế	1.296	1.198	(7,6%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	-	-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,45	1,58	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,38	0,37	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	59,69%	54,51%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	148,19%	120,83%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	1.24	1,26	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,93	0,97	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,48%	0,46%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,30%	0,99%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,46%	0,42%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,27%	0,87%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần tại thời điểm ngày 31/12/2017, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty như sau:

- * Tổng số cổ phần: **11.473.000** (Mười một triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn cổ phần).
- * Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- * Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 11.473.000 cổ phần.
- * Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

STT	Loại hình sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước: Tập đoàn điện lực Việt Nam.	4.595.222	40,05%	1	1	
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	Cổ đông lớn:	2.376.689	20,72%	1		1
	- Trong nước	2.376.689	20,72%	1		1
	- Nước ngoài					
4	Cổ đông nhỏ:	4.501.089	39,23%	692	5	687
	- Trong nước	4.501.089	39,23%	692	5	687
	- Nước ngoài					
	Tổng cộng	11.473.000	100%	694	6	688

(Ghi chú: Theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm ngày 18/04/2017 do VSD cung cấp)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2017, Công ty không có thay đổi vốn chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.4. Các chứng khoán khác: Không có.**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:****6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Bao gồm gỗ và giấy, tổng giá trị không lớn chiếm dưới 0,5% giá thành.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không có.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ:

- Tổng số năng lượng tiêu thụ trực tiếp trong năm 2017 khoảng: 750.000 Kw/h.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:
Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: *Không có*.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức cung cấp; Tiêu thụ bình quân: 20 m³/ngày.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không có*.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn chịu sự kiểm tra và giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về môi trường. Công ty cũng đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 20m³/ngày. Trong năm 2017, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân năm 2017: 140 người, với mức lương trung bình đối với người lao động: 7.800.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Hằng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên để xác định bệnh nghề nghiệp, xác định mức sức khỏe để có biện pháp chữa trị kịp thời. Cấp phát bảo hộ lao động đầy đủ và kịp thời tới từng bộ phận sản xuất. Môi trường sản xuất không bị vi phạm.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo CNKT trung bình mỗi năm: từ 20 đến 30 giờ.

- Đối với cán bộ nghiên cứu, thiết kế, phát triển công nghệ: cho tham gia các hội thảo chuyên ngành.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học ngắn hạn, dài hạn phục vụ sản xuất kinh doanh và phát triển kỹ năng nghề nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Luôn tham gia đóng góp khi địa phương có yêu cầu.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng từ thiên tai và biến đổi khí hậu, Việt Nam xác định tăng trưởng xanh là chiến lược để phát triển bền vững. Theo chiến lược

quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 của Việt Nam đã được Chính phủ phê duyệt năm 2012 đưa ra 3 nhiệm vụ chính gồm: (1). Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; (2). Xanh hoá sản xuất, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh; (3). Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Để thực hiện các nhiệm vụ này, Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020, trong đó việc hình thành khung chính sách tài chính tăng trưởng, nhằm huy động vốn cho tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, ngoài nỗ lực của Chính phủ thì cần phải có sự tham gia, phối hợp của các doanh nghiệp. Để nền kinh tế xanh hơn thì bản thân các doanh nghiệp trong nước phải có hành động cụ thể, thiết thực góp phần làm nền kinh tế xanh hơn. Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức luôn hướng đến việc đạt tiêu chuẩn sản xuất thân thiện đến môi trường. Cụ thể là từ năm 2008 đến nay, Công ty đầu tư dây chuyền và đẩy mạnh sản xuất sản phẩm mới máy biến áp phân phối dùng vật liệu Amorphous, có tổn hao không tải thấp, sử dụng hiệu quả kinh tế, thân thiện với môi trường. Trong năm 2017, Công ty cung cấp hơn 300 máy biến áp phân phối 1 pha, 3 pha các loại dùng vật liệu Amorphous, chiếm tỷ lệ khoảng 10% doanh số bán hàng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Dvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH2017/ KH2017	Thực hiện 2016	TH2017/ TH2016
1	Doanh thu thuần	290.000	259.081	89%	276.729	94%
2	Lợi nhuận sau thuế	2.560	1.198	47%	1.296	92%
3	Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) (đồng)	223	95	43%	132	72%

Nhìn chung, Công ty không hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 đề ra. Nguyên nhân không đạt được kế hoạch doanh thu là giảm sút năng lực cạnh tranh thị trường, lợi nhuận không đạt là do doanh thu bán hàng năm 2017 giảm hơn 17 tỷ đồng so với năm 2016, chỉ bằng 94% so với năm 2016, chi phí quản lý tăng (do chi phí trợ cấp nghỉ việc cho NLĐ làm tăng). Vì vậy, lợi nhuận sau thuế năm 2017 cũng giảm, chỉ đạt 1.198 triệu đồng (chỉ bằng 92% so với năm 2016).

Trong cơ cấu doanh thu 2017 thì doanh thu bán hàng đạt 240,2 tỷ đồng chiếm 93% doanh thu và lợi nhuận gộp là 19,7 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp của hoạt động bán hàng là 8,2%, thấp hơn mức 17,7% ở năm 2016.

Trong khi đó, năm 2017 cung cấp dịch vụ đạt 18,96 tỷ đồng chiếm 7% doanh thu nhưng mảng này có lãi gộp 10,7 tỷ đồng tương ứng với 35%; Năm 2016, mảng này có tỷ lệ lợi nhuận gộp -2,7 tỷ đồng.

Cơ cấu doanh thu 2015-2017:*Đvt: triệu đồng*

Khoản mục	2015		2016		2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu từ bán hàng	307.285	96,6%	273.438	98,8%	240.200	93%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.910	3,4%	3.291	1,2%	18.960	7%
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	79	0%
Tổng	318.195	100%	276.729	100%	259.081	100%

Cơ cấu lợi nhuận gộp 2015-2017:*Đvt: triệu đồng*

Khoản mục	2015		2016		2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
LN gộp từ hoạt động bán hàng	46.808	92,1%	48.314	106%	19.678	65%
LN gộp từ cung cấp dịch vụ	4.027	7,9%	(2.706)	(6%)	10.757	35%
Tổng	50.835	100%	45.608	100%	30.435	100%

Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu 2014-2016:

Khoản mục	2015	2016	2017
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu hoạt động bán hàng	15,2%	17,7%	8,2%
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu cung cấp dịch vụ	36,7%	(81,8%)	56,3%
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu	16%	16,5%	11,6%

2. Tình hình tài chính:**2.1. Tình hình tài sản:**

Tại thời điểm 31/12/2017, tổng tài sản của công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức đạt 266,16 tỷ đồng, giảm 31,61 tỷ đồng, tương ứng giảm 10,6% so với năm 2016. Xét về mặt cơ cấu thì tài sản ngắn hạn giảm 10,7% chiếm 86% tổng tài sản và tài sản dài hạn giảm 9,8% chiếm 14% tổng tài sản.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn thì tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 3% giảm 75,9%, các khoản phải thu chiếm 12% giảm 19,7%, hàng tồn kho chiếm 66% giảm 7%, tài sản ngắn hạn khác chiếm 0% giảm 199,3% so với cùng kỳ.

Đối với cơ cấu tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định chiếm 10% giảm 14,9% và đầu tư tài chính dài hạn (đầu tư vào công ty liên kết) chiếm 4% so với cùng kỳ.

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2016		2017		Tăng/ (giảm) so với đầu năm.	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	256.185	86,0%	228.670	86%	(27.515)	(10,7%)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	29.548	10%	7.122	3%	(22.426)	(75,9%)
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	15.000	6%	15.000	100%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	38.204	13%	30.685	12%	(7.519)	(19,7%)
IV. Hàng tồn kho	188.157	63%	175.042	66%	(13.075)	(6,9%)
V. Tài sản ngắn hạn khác	274	0%	820	0%	546	199,3%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	41.582	14%	37.492	14%	(4.090)	(9,8%)
I. Các khoản phải thu dài hạn	24	0%	24	0%	0	0%
II. Tài sản cố định	30.049	10%	25.559	10%	(4.490)	(14,9%)
III. Tài sản dở dang dài hạn	1.320	0%	922	0%	(398)	(3,01%)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9.864	3%	10.089	4%	225	2,3%
V. Tài sản dài hạn khác	323	0%	897	0%	574	177,8%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	297.768	100%	266.162	100%	-31.606	-10,6%

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả của công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31/12/2017 là 145,23 tỷ đồng chiếm 55% tổng nguồn vốn, giảm 32,5 tỷ đồng tương đương với giảm 18,4% so với năm 2016. Trong cơ cấu nợ phải trả thì nợ ngắn hạn là 144,4 tỷ đồng chiếm 55% tổng nguồn vốn. Nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản nợ thương mại như phải trả cho người bán 29,4 tỷ đồng, người mua trả tiền trước 2,8 tỷ đồng, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 0,9 tỷ và vay của các Ngân hàng thương mại 104,9 tỷ đồng.

Đối với khoản nợ dài hạn 0,78 tỷ đồng thì trong đó vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 0,77 tỷ đồng.

Tổng nợ vay của công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31/12/2017 là 105,7 tỷ đồng, trong đó vay ngắn hạn là 104,9 tỷ đồng còn lại vay dài hạn là 0,77 tỷ đồng.

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2016		2017		Tăng/ giảm so với đầu năm.	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%
C. NỢ PHẢI TRẢ	177.729	60%	145.225	55%	(32.504)	(18,4%)
I. Nợ ngắn hạn	176.440	60%	144.443	55%	(31.997)	(18,2%)
II. Nợ dài hạn	1.288	0%	781	0%	(507)	(39,4%)
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	120.038	40%	120.937	45%	899	0,7%
I. Vốn chủ sở hữu	119.849	40%	120.892	45%	1.043	0,9%
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	189	0%	45	0%	(144)	(79,2%)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	297.768	100%	266.162	100%	(31.606)	(10,6%)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2017, Công ty xác định mô hình của công ty, tổ chức sắp xếp lại tỷ lệ giữa lực lượng lao động trực tiếp và gián tiếp phù hợp theo hướng tinh gọn, tiết giảm chi phí, giảm các cấp quản lý trung gian, giảm chồng chéo công việc, chức năng giữa các bộ phận, nâng cao năng suất lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trong năm 2018 và những năm tiếp theo, Công ty sẽ thực hiện chương trình tái cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý Công ty theo hướng kinh doanh hiệu quả. Công ty vẫn xây dựng lĩnh vực hoạt động cốt lõi là sản xuất thiết bị điện với sản phẩm chính là máy biến áp trung gian và phân phối các loại, cụ thể:

4.1. Về công tác sản xuất

+ Tiến hành bảo dưỡng, nâng cấp các hệ thống, dây chuyền sản xuất máy biến áp phân phối, truyền tải, dây chuyền sản xuất cơ khí và máy móc thiết bị trong hệ thống theo kế hoạch đã đặt ra, đảm bảo chất lượng bảo trì, tiết kiệm chi phí.

+ Sản lượng sản xuất hàng tháng được điều chỉnh linh hoạt theo phản ứng của thị trường trên cơ sở tham chiếu kế hoạch sản lượng năm 2017; Tiếp tục tăng cường sản xuất các sản phẩm máy biến áp phân phối có chất lượng, giá trị kinh tế- kỹ thuật cao, đang được thị trường công nghiệp điện tiêu thụ tốt.

+ Chất lượng sản phẩm:

Tìm các giải pháp quản lý chất lượng toàn diện từ khâu sản xuất đầu tiên đến khâu cuối cùng. Theo đó, cần kiểm soát chặt chẽ công tác thiết kế, thu mua vật tư, nguyên liệu đầu vào, đặc biệt đối với các nguyên liệu chính như: sắt thép, tole silic,

dầu cách điện, sứ cách điện. Đồng thời, nghiêm túc thực hiện đúng quy trình hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong các công đoạn sản xuất.

Thực hiện công tác kiểm soát bán thành phẩm tại các công đoạn nhằm loại bỏ những sản phẩm lỗi, kiểm soát chặt chẽ thành phẩm trên theo mẫu và tiêu chuẩn kỹ thuật cơ sở đã công bố.

4.2. Về công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Căn cứ theo phản ứng của khách hàng/thị trường Công ty xem xét và ra quyết định đẩy mạnh sản xuất sản phẩm mới máy biến áp phân phối dùng vật liệu amorphuos, có tổn hao không tải thấp, sử dụng hiệu quả kinh tế, thân thiện với môi trường...

4.3. Về công tác bán hàng

Nâng cao khả năng dự báo thị trường và lập các báo cáo phân tích thị trường, đối thủ cạnh tranh, so sánh chất lượng, giá bán sản phẩm, quy mô sản xuất của đối thủ làm cơ sở cho lãnh đạo công ty quyết định những chính sách phù hợp.

Triển khai công tác hỗ trợ khách hàng tiêu thụ bằng cách tiếp cận, quảng bá sản phẩm của Công Ty đối với nhiều đối tượng khách hàng theo vùng miền, phân theo khu vực; thường xuyên thăm dò ý kiến phản hồi của khách hàng.

Tiếp tục tìm kiếm các nhà phân phối/đại lý tiêu thụ có đủ tiềm lực tham gia vào kênh phân phối của công ty.

Tập trung quảng bá, chào bán các loại sản phẩm mới/có nhiều tính năng ưu việt dự kiến sản xuất ra thị trường. Đánh giá phản hồi từ phía khách hàng từ đó định hướng cơ cấu sản phẩm cho sản xuất.

Xây dựng giá bán sản phẩm linh hoạt đảm bảo tiêu thụ được và không làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của công ty đã đặt ra.

Gia tăng hiệu quả công tác hậu mãi chăm sóc khách hàng để thỏa mãn nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

4.4. Công tác quản trị chi phí

Tiếp tục khai thác kết quả nghiên cứu tiết giảm chi phí nguyên, nhiên vật liệu trong sản xuất/ trong công tác thiết kế kỹ thuật.

Rà soát chi phí sản xuất, trong đó tập trung kiểm soát các chi phí có giá trị lớn như: chi phí vật tư, chi phí sửa chữa, bảo trì máy móc thiết bị định kỳ trong Công Ty, chi phí bảo hành, bảo trì sản phẩm, chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đăng ký.

Thực hành tiết kiệm điện, năng lượng, nhiên liệu và giảm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Phân đầu giảm tiêu hao vật tư, nguyên liệu trong sản xuất từ 2% đến 3% so với thực hiện năm 2017.

- Quản lý, sử dụng tiết kiệm tối đa văn phòng phẩm, các thiết bị, trang cụ lao động tại các đơn vị trực thuộc và ở cấp độ Công Ty. Tiết kiệm chi phí điện thoại, chi phí xe vận tải hàng hóa, xe đi công tác, chi phí khánh tiết, đặc biệt là trong thực hành tiết kiệm điện.

- Tăng cường kiểm tra chặt chẽ quy trình mua sắm vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào..

- Rà soát lại hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, định mức giao khoán tiền lương, các qui chế khoán quản lý trong kinh doanh, trong từng công đoạn sản xuất.

4.5. Công tác quản lý và điều hành

Thực hiện điều hành sản xuất theo thị trường một cách linh hoạt để sản xuất các mặt hàng đáp ứng yêu cầu thị trường và thị hiếu khách hàng,

Theo dõi chặt chẽ tình trạng công nợ bị chiếm dụng vốn, rà soát các tài sản chưa đưa vào sử dụng, tài sản không sử dụng để thanh lý thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD.

Rà soát, xây dựng định mức tiêu hao vật tư trong sản xuất, trên cơ sở tiết giảm chi phí, phấn đấu thực hiện bằng hoặc thấp hơn KH SXKD năm 2017 Công ty đã thực hiện.

Duy trì việc minh bạch, công khai hoá toàn bộ các mặt hoạt động SXKD trong công ty.

4.6. Công tác đầu tư XDCB năm 2018 để đạt được mục tiêu đề ra.

Để đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra, Công ty CP Cơ Điện Thủ Đức cần tiếp tục hoàn thiện các hạng mục đầu tư dở dang của năm 2017 chuyển sang và đề xuất đầu tư một số hạng mục mới trong năm 2018, đồng thời nhằm mục đích phát triển trong dài hạn cũng như khai thác triệt để các lợi thế sẵn có của các công trình đã được đầu tư từ các dự án trước đây của Công Ty.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Để giảm thiểu các tác động đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội, Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất, cụ thể:

- Thực hiện tất cả các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
- Các công trình xử lý môi trường trong quá trình sản xuất như xử lý nước thải, thu gom rác, chất thải thường xuyên đảm bảo hoạt động.
- Thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến quá trình sản xuất.
- Cam kết thực hiện các biện pháp, cũng như vận hành các hệ thống xử lý nhằm không chế đến mức thấp nhất các tác động của tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2017, mọi hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Hoạt động trong năm 2017 của công ty tuy vẫn còn nhiều khó khăn trong cơ chế thị trường; nhưng Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc cùng các đơn vị trong công ty cùng nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch theo Nghị

quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua. Mặc dù có sự thống nhất cao giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhưng kết quả thực hiện năm 2017 không đạt chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch. Nguyên nhân là công ty đang trong giai đoạn sắp xếp lại nhân sự nên chi phí trợ cấp thôi việc cho người lao động tăng cao, làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp và kết quả là đến cuối năm lợi nhuận không đạt như kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, xét về mặt tổng thể thì hoạt động sản xuất kinh doanh đã có chuyển biến tích cực với năng suất lao động ngày càng tăng cao mặc dù biên chế lao động giảm đáng kể sau quá trình tái cơ cấu, công ty bảo tồn được nguồn vốn và có lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:**

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã luôn song hành cùng với Ban Tổng Giám đốc trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trước tình hình thị trường thiết bị điện còn gặp nhiều biến động, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động đề ra các chương trình, giải pháp và quyết định phù hợp với tình hình thực tế của thị trường, đảm bảo hiệu quả trong điều hành hoạt động kinh doanh, hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Tính minh bạch trong sản xuất kinh doanh được duy trì và tạo điều kiện cho cổ đông của công ty cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng quản lý, giám sát của mình.

3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Tiếp tục hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị phù hợp với công ty theo hướng chuyên nghiệp, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh của công ty trong quá trình kinh doanh, đảm bảo tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.
- Tập trung đẩy mạnh các hoạt động liên quan như quản trị doanh nghiệp, kiểm soát sản phẩm và quảng bá hình ảnh Công ty để xây dựng và phát triển thương hiệu EMC nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh, nâng cao vị thế của công ty.
- Quản lý tài chính hiệu quả, chặt chẽ, kiểm soát dòng tiền, làm tăng khả năng quay vòng vốn, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý tài chính.
- Tăng cường công tác quản trị công ty theo Luật doanh nghiệp 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn hoạt động của Công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán.

V. **Quản trị công ty:**

1. **Hội đồng quản trị:**

1.1 **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (đến 31/12/2017):**

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu có quyền	Ghi chú

				biểu quyết	
01	Nguyễn Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	8	0%	Đại diện sở hữu 60% vốn của EVN tại CTCP
02	Bùi Phước Quảng	Ủy viên HĐQT	0	0%	Đại diện sở hữu 40% vốn của EVN tại CTCP
03	Đặng Quốc Việt	Ủy viên HĐQT	523.164	4,56%	
04	Hoàng Minh Bách	Ủy viên HĐQT	2.376.689	20,72%	

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Nguyễn Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	25/05/2013	09/09	100%	
02	Ông Bùi Phước Quảng	Thành viên HĐQT	25/05/2013	09/09	100%	
03	Ông Lê Việt Hùng	Thành viên HĐQT	25/05/2013	04/09	44%	Miễn nhiệm ngày 27/05/2017
04	Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên HĐQT	30/12/2016	09/09	100%	
05	Ông Hoàng Minh Bách	Thành viên HĐQT	30/12/2016	09/09	100%	

- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2017):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ/CĐTĐ-HĐQT	15/01/2017	Thông qua chủ trương chương trình tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị của công ty giai đoạn

			2016-2017, định hướng đến năm 2020; Thông qua bảng phân công nhiệm vụ các Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức (Nhiệm kỳ 2013-2018).
02	02/NQ/CĐTĐ-HĐQT	25/01/2017	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty.
03	03/NQ/CĐTĐ-HĐQT	27/03/2017	Thông qua phương án tái cơ cấu tổ chức – sản xuất – kinh doanh Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức của Tổng Giám đốc theo Tờ trình ngày 02/03/2017.
04	04/NQ/CĐTĐ-HĐQT	03/04/2017	Thông qua nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty.
05	05/NQ/CĐTĐ-HĐQT	16/06/2017	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức.
06	06/NQ/CĐTĐ-HĐQT	17/07/2017	Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2017.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Nguyễn Minh Quang – Chủ tịch HĐQT.
- Bùi Phước Quãng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm 2017: Không có.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
01	Nguyễn Thị Thu Tâm	Trưởng ban	7	0
02	Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên	2.840	0,002
03	Nguyễn Ngọc Dung	Thành viên	0	0

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Trưởng Ban	01/07/2016	04/04	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Hải Yên	Thành viên	25/05/2013	04/04	100%	
3	Bà Nguyễn Ngọc Dung	Thành viên	25/05/2013	04/04	100%	

Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2017, BKS đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp được HĐQT mời tham dự, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện các chính sách, quy trình, quy chế nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành trong việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông.
- Lãnh đạo của Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong quản lý, điều hành.
- Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật thông qua việc đóng góp ý kiến và dự thảo đã phát huy được tinh thần tập thể. Do đó các quy định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác, quản lý điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương (triệu đồng)	Thưởng (triệu đồng)	Thù lao (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
1	Nguyễn Minh Quang	Chủ tịch	270	-	-	270
2	Bùi Phước Quảng	Thành viên	244,8	-	-	244,8
3	Lê Việt Hùng	Thành viên	-	-	18	18
4	Đặng Quốc Việt	Thành viên	-	-	36	36
5	Hoàng Minh Bách	Thành viên	-	-	36	36

Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương (triệu đồng)	Thưởng (triệu đồng)	Thù lao (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
1	Nguyễn Thị Thu Tâm	Trưởng ban	120	-	-	120
2	Nguyễn Thị Hải Yên	Thành viên		-	24	24
3	Nguyễn Ngọc Dung	Thành viên	-	-	24	24

Ban Điều hành:

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương (triệu đồng)	Thưởng (triệu đồng)	Thù lao (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
1	Bùi Phước Quảng	Tổng Giám đốc	244,8	-	-	244,8
2	Huỳnh Vĩnh Phú	Phó Tổng Giám đốc	217,05	-	-	217,05
3	Phùng Quang Khang	Phó Tổng Giám đốc	216,7	-	-	216,7
6	Vương Thị Bảo Giang	Kế toán trưởng	185,4	-	-	185,4

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tốt

VI. Báo cáo tài chính:**1. Ý kiến kiểm toán:**

Ý kiến kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Kiểm toán TPP): “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính của Công ty được lưu giữ tại văn phòng Công ty và được công bố trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://codientd.com/quan-he-co-dong/> ./.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Minh Quang